TOÀ ÁN ND TỈNH BẮC GIANG
TÒA ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ÁN SỐ: 52 /2018/ HS-ST
NGÀY: 19/9/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Thanh Bình.

2. Ông Lê Văn La.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên Tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19/9/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2018/HS-ST ngày 19/7/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HS ngày 13/8/2018 đối với bị cáo:

Đặng Đức T, sinh năm 1979. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: SN 187, phố Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Đảng (Đoàn thể): Không; Họ và tên bố: Đặng Đức Q, sinh năm 1952; Họ và tên mẹ: Trương Thị N, sinh năm 1955. Cùng trú tại xã B, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Gia đình có 04 anh em, bản thân là thứ ba; Họ và tên vợ: Phan Thuỳ T, sinh năm 1978. Hiện ở số nhà 187, phố Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không có;

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến ngày 22/01/2018. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978 – (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1982 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1984 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người làm chứng:**

1. Anh Dương Văn Đông, sinh năm 1978 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Kiên, sinh năm 1975 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Nguyễn Văn Duy, sinh năm 1979 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, phường Trần Phú, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Anh Đồng Văn Khang, sinh năm 1989 – (Vắng mặt);

Địa chỉ: Phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Đặng Đức T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

- Khoảng 15 giờ ngày 03/12/2017, Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978 ở thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang và anh Dương Văn Đông, sinh năm 1978 ở thôn V, xã Lam Cốt, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đang ở chỗ khu đất mà trước đó anh L đã thuê ở thôn Yên T, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, mục đích nuôi trồng thuỷ sản, (Quá trình cải tạo ao, hồ để nuôi trồng thuỷ sản, anh L có thỏa thuận cùng với anh Đông khai thác, vận chuyển phần đất sét dư thừa ở phía trên đem bán cho các nhà máy sản xuất gạch) thì Đặng Đức T, sinh năm 1979 ở thôn T, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang gọi điện thoại cho anh L hẹn gặp ở khu đất để đặt vấn đề mua đất, anh L đồng ý. Sau đó T cùng với Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1982; Nguyễn Văn Kiên, sinh năm 1975 cùng ở thôn T, xã Tân Dĩnh; Nguyễn Văn Duy, sinh năm 1979 ở đường bờ đê Chi Ly, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang đến khu đất gặp anh L. Tại đây, Chiến bảo với anh L bán cho Chiến đất sét thừa để Chiến bán lại cho các nhà máy gạch, sau khi thoả thuận anh L đồng ý bán cho Chiến với giá 60.000đ/ 1m^3 đất, các bên thỏa thuận quá trình khai thác, vận chuyển đất T và Duy cam kết với anh L sẽ bảo đảm việc anh L bán đất không bị ai cản trở. Sau đóT gọi bảo anh L đến nhà nghỉ T Tiên để anh Chiến bàn việc trả tiền đất. Anh L, anh Đông đến nhà nghỉ T Tiên thì gặp T, Duy, Kiên cùng một số người nữa. Lúc này Kiên gọi điện cho anh Chiến bảo đem tiền đến nhà nghỉ T Tiên trả tiền trước cho anh L. Do Chiến không có nhà nên đã bảo Kiên đến nhà Chiến lấy tiền. T, Kiên, anh L, anh Đông đến nhà anh Chiến thì Chiến gọi điện bảo anh Nguyễn Văn Thắng sinh năm 1984 là em trai của Chiến đưa cho anh L 30.000.000 đồng. Anh L định về thì T bảo anh L, anh Đông về nhà nghỉ của T bàn công việc làm ăn. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T, Kiên, Duy, anh L và anh Đông về đến nhà nghỉ T Tiên. Tất cả mọi người lên phòng 204 còn T và Kiên ở dưới tầng 1. Lúc này tại nhà nghỉ của T còn có Bùi Văn Công, sinh năm 1982; Đồng Văn Khang, sinh năm 1989 cùng ở phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang; Tăng Văn Tuyên, sinh năm 1977 ở

thôn I, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam đều là bạn của T, đối tượng tên Phi là bạn của Duy và Khanh là lái xe ô tô biển kiểm soát 98A- 062.24 . Khoảng 10 phút sau T bảo Công gọi L, Đông xuống phòng khách tầng 1 nói chuyện. T khai khi anh L, Đông xuống phòng khách, T nhìn thấy ở túi áo ngực của anh L có chiếc bút phát ra ánh sáng, T bảo Công lấy để kiểm tra thì phát hiện là thiết bị ghi âm, ghi hình. Lúc này T chửi anh L, cầm chùm chìa khoá ném vào người anh L và dọa sẽ cho người giết anh L. Thấy T nói vậy thì anh Đông xin T tha cho L thì bị T đấm 01 cái vào mồm sau đó T bắt anh L, anh Đông bỏ điện thoại, đồng hồ ra để kiểm tra xem còn thiết bị ghi âm, ghi hình nào khác không. Sau khi kiểm tra xong không phát hiện gì thì T trả lại và bảo Công đưa Đông lên phòng 202. Lúc này tại phòng khách chỉ còn T, L, Duy, Phi và Tuyên, T nảy ý định chiếm đoạt tiền của anh L, T bảo anh L là anh L dùng thiết bị ghi âm định hại T nên chửi anh L và bắt anh L viết giấy cam kết với nội dung: Do việc khai thác khu đất của anh L bị một số đối tượng ở tỉnh Quảng Ninh đến quấy phá, cản trở nên phải nhờ T, Duy, Tuyên can thiệp ngăn chặn. L cùng T, Duy, Tuyên hợp tác cùng làm ăn, hưởng lợi nhuận, thống nhất ngày 03/12/2017 khởi công khai thác đất và lấy số tiền 30.000.000 đồng của anh L mua đồ làm lễ động thổ. Sau khi viết xong T bảo Phi và Khanh ký làm chứng. Sau đó T bảo Phi cho T mượn giấy tờ xe ô tô của Phi để T vay tiền nhưng anh Phi không đồng ý rồi Phi và Duy đi về. T lại yêu cầu anh L lấy giấy tờ xe ô tô của anh L cắm cho T thì anh L bảo xe mua trả góp giấy tờ gốc ngân hàng giữ thì T bắt anh L đưa chứng minh thư nhân dân để T viết vào sổ theo dõi khách thuê phòng nghỉ để hợp thức việc anh L, anh Đông có mặt ở nhà nghỉ của T. T lấy giấy trắng bắt anh L viết giấy vay tiền với nội dung: Anh L thiếu vốn khai thác đất đến nhà T vay 500.000.000 đồng hẹn ngày 04/12/2017 phải trả cho T, sau khi anh L viết xong giấy thì Tuyên cầm đọc rồi sé đi và nói T bắt anh L viết như vậy là vi phạm pháp luật. Anh L, anh Đông bảo T cho về nhà nhưng T không đồng ý, T bảo với anh L phải để lại 30.000.000 đồng coi như là tiền công T và người của T lo công việc cho anh L từ chiều đến giờ nhưng anh L không được đưa trực tiếp cho T mà cầm tiền đi ra ngoài nhà nghỉ đánh rơi sẽ có người ra nhặt.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978 là chị ruột của anh L cùng chị Nguyễn Thuỳ Dương, sinh năm 1980 ở đường Hồ Công Dự, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang đến gọi cửa, trước khi mở cửa cho anh L, anh Đông về thì T bảo anh L làm theo đúng lời T bảo là để tiền ở bên ngoài. Sau đó anh Đồng Văn Khang, sinh năm 1989 ở phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang ra mở cửa. Do sợ T đánh nên khi anh L đi ra phía ngoài cửa đã vứt 30.000.000 đồng (gồm 03 cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng do anh Thắng đưa lúc chiều) ở bãi đất trống cạnh cửa nhà T rồi ra về, anh Khang đứng ở cửa đã nhặt số tiền trên đem vào để ở phòng ngủ của T. Sau khi lấy tiền của anh L, T được chị Dương gọi điện bảo T đem tiền trả cho anh L, T đồng ý và đã đem số tiền 30.000.000 đồng đến đưa cho chị Dương để nhờ trả cho anh L. Sáng ngày 04/12/2017, chị Dương đem 30.000.000 đồng trả lại cho anh L.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 16/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố Đặng Đức T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kết thúc phần tranh luận, sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND Huyện Lạng Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo T và đề nghị HĐXX: Áp dụng Khoản 1, khoản 5 Điều 135 BLHS năm 1999; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015 phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung bằng tiền đối với T 10.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Ngoài ra vị đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý về vật chứng và án phí của vụ án.

- Bị cáo T không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa người bị hại anh Nguyễn Ngọc L xin được trả lại số tiền 30.000.000 đồng anh đã giao nộp tại cơ quan điều tra, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm gì khác và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để bị cáo có điều kiện, cơ hội làm ăn lương thiện ngoài xã hội và anh sẽ không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về yêu cầu trên của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, ý kiến của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo Đặng Đức T đã thừa nhận:

Khoảng 21 giờ ngày 03/12/2017, tại nhà nghỉ T Tiên ở thôn T, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang do Đặng Đức T làm chủ, trong khi giao dịch hợp đồng với anh Nguyễn Ngọc L, lấy cớ anh L có tự ý dùng thiết bị ghi âm nênT không cho anh L về và có hành vi đe doạ sẽ dùng vũ lực đối với anh L, nhằm chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của anh L. Do sợ bị T đánh, cản trở việc làm ăn nên anh L đã phải để lại cho T số tiền 30.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người bị hại cùng tang vật chứng đã thu hồi trả cho người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án và phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận Đặng Đức T đã phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước $0^h00'$ ngày 01/01/2018 theo quy định của Bộ luật Hình sự số 100/2015 QH13 (Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực thi hành, do vậy HĐXX áp dụng các điều luật về các tội xâm phạm về sở hữu của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để giải quyết. Các điều luật khác không có sự thay đổi sẽ được áp dụng theo BLHS có hiệu lực để giải quyết. Bản cáo trạng số 47/QĐ-KSĐT ngày 16/7/2018 của VKSND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với Đặng Đức T về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và biện pháp xử lý:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng đến tinh thần của người bị hại, gây bức xúc phẫn nộ và làm hoang mang tinh thần trong quần chúng nhân dân. Do đó phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng, đồng thời răn đe ngăn chặn phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

- Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy:

+ Về tình tiết tăng nặng: Không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, quá trình điều tra và trước phiên toà hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội ra đầu thú, đã tự nguyện hoàn trả tài sản khắc phục hậu quả cho bị hại, tại phiên tòa người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Đặng Đức T có nhân thân, ngày 25/4/2011, bị Công an phường M, thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Từ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, sau khi phân tích đánh giá nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên tòa người bị hại thiết tha đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để bị cáo có điều kiện, cơ hội làm ăn lương thiện ngoài xã hội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang cũng đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy xét không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Áp dụng Điều 65 BLHS đối với T.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng khoản 5 Điều 135 BLHS năm 1999 phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng cần xử lý gồm: 01 quyển sổ nhãn hiệu "Hải Tiến"; 12 dao kiếm các loại; 01 đầu ghi hình ảnh camera nhãn hiệu Hikvision.

Đối với 01 quyển sổ nhãn hiệu "Hải Tiến"; 12 dao kiếm các loại; 01 đầu ghi hình ảnh camera nhãn hiệu Hikvision. Xét giá trị sử dụng không lớn và tại phiên tòa Đặng Đức T không có yêu cầu trả lại mà đề nghị HĐXX tiêu hủy nên cần áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra là hoàn toàn hợp lệ nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Về số tiền 30.0000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là số tiền của anh Nguyễn Ngọc L bị T chiếm đoạt. Quá trình điều tra, anh Nguyễn Ngọc L đã mang số tiền 30.000.000 đồng nộp cho cơ quan điều tra. Hiện tại số tiền đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Tại phiên tòa anh Nguyễn Ngọc L chỉ yêu cầu được nhận lại số tiền này mà không yêu cầu T phải bồi hoàn thêm gì khác, do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS và Điều 30; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS trả lại cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Ngọc L còn khai ngày 30/11/2017 tại nhà anh Duy,T có hành vi cưỡng đoạt của anh L số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình điều tra T không thừa nhận, ngoài lời khai anh L ra không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý và tại phiên tòa hôm nay anh L không yêu cầu gì về số tiền này nên HĐXX không xem xét.

Đối với hành vi T ép buộc anh L viết giấy vay T 500.000.000 đồng, sau khi anh L viết xong anh Tuyên đã đọc và xé đi sau đó T vứt ở rãnh nước sau nhà,

bản thân T đã từ bỏ ý định chiếm đoạt số tiền trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Đức Duy, Khanh và đối tượng tên Phi có mặt nhà T ngày 03/12/2017, quá trình điều tra đã làm rõ khi T có hành vi chiếm đoạt tiền của anh L thì Duy, Khanh và Phi không được T bàn bạc sau đó đã ra về trước nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Đức Kiên, Tăng Văn Tuyên, Bùi Văn Công có mặt nhà T nhưng không tham gia giúp sức hay thực hiện hành vi cùng T chiếm đoạt tiền của anh L nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Đồng Văn Khang là người nhặt số tiền 30.000.000 đồng của anh L đem vào để phòng ngủ của T, quá trình điều tra đã làm rõ Khang không biết việc anh L để tiền ở ngoài là do bị T ép buộc, bản thân Khang nhặt tiền do vô tình nên không có căn cứ xử lý.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án vắng mặt. Tuy nhiên đã có đơn xin vắng mặt và đều được Tòa án tiến hành tống đạt giấy báo phiên tòa đầy đủ, hợp lệ do vậy về quyền lợi của họ đã được pháp luật bảo vệ.

[7] Về án phí: Bị cáo Đặng Đức T phải chịu án phí HSST.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Tuyên bố: Bị cáo Đặng Đức T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

* Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt Đặng Đức T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung bằng tiền đối với T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Đặng Đức T cho UBND phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự

2/ Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ nhãn hiệu "Hải Tiến"; 12 dao kiếm các loại; 01 đầu ghi hình ảnh camera nhãn hiệu Hikvision.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; Điều 30, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS: Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

4/- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 BLTTHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Đặng Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có 15 ngày kháng cáo, kể từ ngày nhận tống đạt bản án vắng mặt./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- CQĐT + CQTHAHS Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh BG.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hằng